

XÁC ĐỊNH CƠ CẤU BỆNH ĐƯỢC THU DUNG VÀ ĐIỀU TRỊ TẠI KHOA TRUYỀN NHIỄM, BỆNH VIỆN 103 TỪ THÁNG 1 - 2005 ĐẾN 12 - 2010

Hoàng Tiến Tuyên ; Nguyễn Hữu Dương*
Dương Văn Hiếu**

TÓM TẮT

Từ tháng 1 - 2005 đến 1 - 2010, Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện 103 đã thu dung, điều trị 8.558 bệnh nhân (BN), hầu hết là BN mắc các bệnh truyền nhiễm (91,1%). Bệnh gặp nhiều nhất là nhiễm virut cấp (23,55%), tiếp đến là nhiễm trùng-nhiễm độc ăn uống: 16,69%, dengue: 15,59%, viêm gan virut: 10,33%... và thấp nhất là cúm H5N1: 0,01%, dại: 0,06%. Các bệnh được giám sát trong chương trình tiêm chủng mở rộng vẫn còn như: uốn ván (0,39%), sởi (1,26%). Các bệnh lý mới như: HIV/AIDS (0,89%), H1N1 (0,15%) và H5N1 (0,01%). BN có tuổi từ 21 - 30 chiếm tỷ lệ cao nhất (35,21%); nam 58,60%; BN chế độ quân chiếm tỷ lệ thấp (21,03%); hầu hết BN cư trú tại Hà Nội (88,84%).

* Từ khoá: Bệnh truyền nhiễm; Cơ cấu bệnh.

DETERMINATION OF THE STRUCTURAL PATHOLOGY RECEIVED AND TREATED IN THE INFECTIOUS DEPARTMENT, 103 HOSPITAL FROM JANUARY, 2005 TO DECEMBER, 2010

SUMMARY

Almost (91.1%) of 8,558 patients are infectious diseases received, treated in the Infectious Department, 103 Hospital from Jan 2005 to Dec 2010. Among the infectious diseases, the rate of patients with acute virus infection: 23.55%; acute infectious diarrhea diseases and bacterial food poisoning: 16.69%; dengue haemorrhagic fever: 15.59%; viral hepatitis: 10.33%... and the lowest one was caused by H5N1 (0.01%) and rabid viruses (0.06%). Diseases of the expanded vaccination program have existed, such as tetanus (0.39%), measles (1.26%), new diseases, including HIV/AIDS (0.89%), H1N1 (0.15%) and H5N1 (0.01%). The patients in the age of 21 - 30 made up the highest proportion (35.21%); the male were 58.60 %; the patients soldiers were 23.55%; almost patients live in Hanoi (88.84%).

** Key words: Infections diseases; Structure of pathology.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Vào những năm cuối của thế kỷ XX và những năm đầu của thế kỷ XXI, đất nước ta đang ổn định về chính trị, các lĩnh vực khác

như: kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, giao thương... phát triển mạnh mẽ, làm cho đời sống nhân dân ngày một nâng cao. Tuy nhiên, mặt trái của sự phát triển là biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường sống, dân số

* Bệnh viện 103

Phản biện khoa học: GS.TS. Nguyễn Văn Mùi

tăng nhanh, tình trạng di dân đã làm cho cơ cấu bệnh nói chung, đặc biệt là cơ cấu bệnh

truyền nhiễm nói riêng thay đổi trên phạm vi cả nước. Để giúp các nhà quản lý và Ngành

Y tế dự phòng hoạch định chính sách, đảm bảo nguồn lực cho công tác thu dung, điều trị, dự phòng bệnh, chúng tôi nghiên cứu đề tài này với mục tiêu:

- *Xác định cơ cấu bệnh được thu dung, điều trị tại Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện 103.*

- *Giám sát bệnh lý trong chương trình mở rộng bệnh lý mới.*

* *Tuổi:* chia thành các nhóm tuổi: < 16 tuổi; 16 - 20 tuổi; 21 - 30 tuổi; 31 - 40 tuổi; 41 - 50 tuổi; 51 - 60 tuổi và > 60 tuổi.

* *Giới.*

* *Chế độ BN:* quân, dân và bảo hiểm.

* *Khu vực BN cư trú:* Hà Nội và các tỉnh khác.

* *Số lượng BN:* vào theo tháng, năm, lứa tuổi, bệnh, chế độ và giới tính.

* *Bệnh lý:* được chẩn đoán tại thời điểm ra viện của BN.

Xử lý số liệu bằng phần mềm Excel 2007.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu.

8.558 BN được điều trị tại Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện 103 từ tháng 1 - 2005 đến 12 - 2010.

2. Phương pháp nghiên cứu.

Nghiên cứu hồi cứu, bao gồm các chỉ số sau:

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Số lượng, chế độ và giới của BN vào viện.

Bảng 1:

CHẾ ĐỘ, GIỚI		NĂM						TỔNG 6 NĂM	
		2010	2009	2008	2007	2006	2005	n	%
Chế độ	Dân	598	1.166	506	607	564	508	3.947	46,12
	Bảo hiểm	497	1.109	430	209	331	233	2.809	32,82
	Quân	363	755	161	138	179	204	1.800	21,03
Tổng		1.458	3.030	1.097	954	1.074	945	8.558	100
Giới tính	Nam	804	1.661	672	577	694	607	5.015	58,60
	Nữ	654	1.369	425	377	380	338	3.543	41,40
Tổng		1.458	3.030	1.097	954	1.074	945	8.558	100

Số lượng BN thu dung hàng năm khoảng 1.000 BN/năm. Năm 2009, số lượng BN tăng đột biến (3.030) là do có vụ dịch dengue và tiêu chảy cấp. Trong số 8.558 BN, bộ đội chỉ chiếm 21,03%. BN nam cao hơn nữ (58,6% so với 41,4%).

2. Tuổi BN vào viện.

< 16 tuổi: 84 BN (0,98%); 16 - 20 tuổi: 1.015 BN (11,86%); 21 - 30 tuổi: 3.013 BN (35,21%); 31 - 40: 1.536 BN (17,95%); 41 - 50 tuổi: 1.115 BN (13,03%); 51 - 60 tuổi: 839 BN (9,80%); > 60 tuổi: 956 BN (11,17%).

BN vào viện ở độ tuổi 21 - 30 chiếm tỷ lệ cao nhất (35,21%) và thấp nhất ở nhóm tuổi < 16 (0,98%). Trong đó, BN nhỏ tuổi nhất là 2 tuổi và cao tuổi nhất là 97 tuổi.

3. Thu dung theo khu vực.

Bảng 2:

KHU VỰC \ NĂM	2010	2009	2008	2007	2006	2005	TỔNG 6 NĂM	
							n	%
Hà Nội	1.321	2.820	1.017	809	809	827	7.603	88,84
Tỉnh khác	137	210	80	145	265	118	955	11,16
Tổng	1.458	3.030	1.097	954	1.074	945	8.558	100

Hầu hết BN vào viện sống ở khu vực Hà Nội (88,84%) nơi bệnh viện đóng quân.

4. BN vào khoa truyền nhiễm theo tháng.

Bảng 3:

THÁNG \ NĂM	2010	2009	2008	2007	2006	2005	TỔNG 6 NĂM	
							n	%
Tháng 1	69	185	122	41	27	38	482	5,63
Tháng 2	17	76	68	48	39	35	283	3,31
Tháng 3	129	110	46	81	98	92	556	6,50
Tháng 4	84	110	88	78	115	119	594	6,94
Tháng 5	156	34	80	80	113	124	587	6,86
Tháng 6	151	179	76	105	130	115	756	8,83
Tháng 7	238	232	52	89	93	49	753	8,80
Tháng 8	209	291	54	234	72	62	922	10,77
Tháng 9	87	369	83	100	63	61	763	8,92
Tháng 10	146	971	189	25	85	63	1.479	17,28
Tháng 11	106	298	181	35	121	121	862	10,07
Tháng 12	66	175	58	38	118	66	521	6,09
Tổng							8.558	100

BN vào viện chiếm tỷ lệ cao từ tháng 6 đến tháng 11. Thời điểm thích hợp của các bệnh đường tiêu hóa, bệnh do muỗi truyền [2]. Tháng 10 - 2009, lượng BN vào khoa cao nhất với 971 BN, gần bằng số lượng BN của năm 2005 và 2007 do có vụ dịch dengue.

5. Bệnh lý được thu dung.

Bảng 4: Cơ cấu bệnh lý truyền nhiễm.

BỆNH LÝ	NĂM							
	2010	2009	2008	2007	2006	2005	Tổng 6 năm	
							n	%
Nhiễm virus cấp	409	658	233	337	194	184	2015	23,55
Nhiễm trùng nhiễm độc ăn uống	281	327	288	178	195	159	1428	16,69
Dengue	119	878	112	59	123	43	1334	15,59
Viêm gan virus	120	230	126	105	134	169	884	10,33
<i>Adenovirus</i>	94	356	43	13	28	69	603	7,05
Nhiễm khuẩn	39	47	39	47	78	55	305	3,56
Viêm đường tiết niệu	61	71	25	17	41	29	244	2,85
Quai bị	78	57	14	10	15	27	201	2,35
Viêm màng não mủ	54	51	22	22	30	17	196	2,29
Lỵ	30	22	21	14	20	22	129	1,51
Sởi	2	106	0	0	0	0	108	1,26
HIV/AIDS	12	11	8	15	9	21	76	0,89
Thương hàn	7	3	14	15	12	7	58	0,68
Thủy đậu	15	16	8	7	3	5	54	0,63
Tiêu chảy cấp	1	20	19	0	0	0	40	0,47
Sốt rét	3	5	9	5	5	6	33	0,39
Sốt nhiễm khuẩn	1	7	4	3	4	3	22	0,26
Uốn ván	11	2	3	5	7	5	33	0,39
Cúm A/H1N1	0	12	0	1	0	0	13	0,15
Sốt mò	4	0	3	1	0	3	11	0,13
Dại	1	1	3	0	0	0	5	0,06
Rubella	1	2	0		1	0	4	0,05
H5N1	0	0	0	0	1	0	1	0,01
Bệnh không truyền nhiễm	126	145	102	100	176	125	761	8,90
Tổng							8.558	100

Hầu hết các bệnh truyền nhiễm được thu dung, điều trị tại khoa, nhưng chủ yếu là nhiễm virus cấp (23,55%); nhiễm trùng nhiễm độc ăn uống (16,69%); viêm gan virus (15,59%); tỷ lệ thu dung thấp nhất thuộc các mặt bệnh như cúm H5N1 (0,01%); dại (0,06%) và Rubella (0,05%). Các bệnh có xu hướng giảm so với trước đây như

sốt rét, sốt mò, lỵ, leptospira (0,39% và 0,13%, 1,51%, 0%, Lê Ngọc Anh và CS nghiên cứu cơ cấu bệnh truyền nhiễm toàn quân cũng cho kết quả tương tự [1].

6. Bệnh lý mới và bệnh lý trong chương trình mở rộng.

Bảng 6: Bệnh lý trong chương trình tiêm chủng mở rộng và bệnh lý mới.

BỆNH LÝ		NĂM							
		2010	2009	2008	2007	2006	2005	TỔNG 6 NĂM	
								n	%
Tiêm chủng mở rộng	Uốn ván	11	2	3	5	7	5	33	0,39
	Sởi	2	106	0	0	0	0	108	1,26
Bệnh lý mới	HIV/AIDS	12	11	8	15	9	21	76	0,89
	H5N1	0	0	0	0	1	0	1	0,01
	H1N1	0	12	0	1	0	0	13	0,15

Không thấy xuất hiện bệnh ho gà, bạch hầu, bại liệt; bệnh uốn ván (0,39%) có ở tất cả các năm, năm 2011 có sự tăng đột biến (11 ca/năm); bệnh sởi tái xuất hiện vào năm 2009 với 106 trường hợp mắc (1,26%). Bệnh lý mới phát sinh là cúm H5N1 và H1N1 (0,01% và 0,15%); bệnh HIV/AIDS chiếm 0,89%, có ở tất cả các năm, có xu hướng tăng những năm gần đây, tỷ lệ BN HIV/AIDS thấp, do hầu hết BN HIV/AIDS là bộ đội, bệnh viện lại không nhận điều trị nội trú cho đối tượng dân. Cao Văn Viên thống kê trong 20 năm từ 1987 - 2007 thấy: các bệnh được giám sát trong chương trình tiêm chủng mở rộng như: đậu mùa không xuất hiện; bệnh bại liệt, bạch hầu, ho gà không xuất hiện khoảng 10 năm lại đây, bệnh uốn ván năm nào cũng có, nhưng với tỷ lệ thấp. Xuất hiện thêm các bệnh lý mới có xu hướng ngày một tăng là HIV/AIDS; bệnh SARS, cúm H5N1, xuất hiện đột biến theo năm [3, 4].

KẾT LUẬN

1. Cơ cấu bệnh truyền nhiễm được thu dung và điều trị.

Trong 8.558 BN được thu dung vào Khoa Truyền nhiễm từ tháng 1 - 2005 đến hết 12 - 2010, chủ yếu là bệnh truyền nhiễm (91,1%) và có hầu hết các mặt bệnh, tỷ lệ cao nhất thuộc về nhiễm virut cấp (23,55%); nhiễm trùng nhiễm độc ăn uống 16,69%; dengue: 15,59%; viêm gan virut: 10,33%...; thấp nhất là dại (0,06%); H5N1 (0,01%); H1N1 (0,15%). Số lượng BN nam vào viện cao hơn nữ, tỷ lệ nam/nữ xấp xỉ 3/2.

BN chế độ quân chiếm 21,06%.

BN cư trú chủ yếu tại Hà Nội (88,84%).

BN ở độ tuổi lao động vào viện là chủ yếu, cao nhất thuộc nhóm từ 21 - 30 tuổi (35,21%).

2. Giám sát các bệnh trong chương trình tiêm chủng mở rộng và bệnh lý mới.

Không thấy xuất hiện bệnh bạch hầu, ho gà, bại liệt; bệnh uốn ván có ở tất cả các năm với tỷ lệ 0,039%; tái xuất hiện sởi ở người lớn vào năm 2009 với số lượng 128 BN (1,26%).

Bệnh lý mới như: H5N1 (năm 2006), H1N1 (năm 2009) chiếm tỷ lệ thấp (0,01%; 0,15%); bệnh HIV/AIDS ở quân chiếm 0,89%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Ngọc Anh, Vũ Quốc Bình, Nguyễn Văn Chính. Nhận xét về cơ cấu bệnh truyền nhiễm thu dung tại các bệnh viện và tình hình dịch toàn quân trong 3 năm 2007, 2008 và 2009. Tạp chí Y học quân sự. 2010, số 262.

2. Nguyễn Văn Mùi, Nguyễn Hoàng Tuấn, Trịnh Thị Xuân Hòa. Bệnh học truyền nhiễm và nhiệt đới (giáo trình giảng dạy cho các lớp đại học y khoa). NXB Y học. Hà Nội. 2008.

3. Cao Văn Viên. Báo cáo Giám sát sự biến động của bệnh truyền nhiễm tại Bệnh viện Y học Lâm sàng các bệnh nhiệt đới trong 20 năm qua. 2007.

4. Thông báo tình hình bệnh truyền nhiễm trong quân đội năm 2010, 6 tháng đầu năm 2011 của Cục Quân y, Tổng cục Hậu cần.